

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Ngày phát hành/Ngày hiệu
chính

18 Tháng Sáu 2026

Phiên bản 3.02

I. Nhận dạng hoá chất và thông tin nhà cung cấp

Mã sản phẩm : 00339398
Tên sản phẩm : MEGASEAL SFT675 Non Slip 100% Solids Safety Yellow Kit
Số CAS : Hỗn hợp chất
Số đăng ký EC : Hỗn hợp chất.
Loại sản phẩm : Bột.

Hoạt động sử dụng đã được xác định có liên quan của chất hoặc hỗn hợp và hoạt động sử dụng được khuyến
nên tránh

Ứng dụng sản phẩm : Phủ.
Các ứng dụng chuyên nghiệp.
Các mục đích sử dụng không được khuyến cáo : Sản phẩm không có ý định, dán nhãn hoặc đóng gói để sử dụng cho người tiêu dùng.
Thông tin chi tiết về nhà cung cấp : Công ty TNHH PPG Yungchi Coatings
Số 176, Đường số 6, Khu công nghiệp Hồ Nai,
phường Phước Tân, thành phố Đồng Nai, Việt Nam
+84 61 3936121/22
Số điện thoại khẩn cấp (với giờ hoạt động) : CHEMTREC +(84)-444581938 (CCN 17704)

II. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Tình trạng OSHA/HCS : Sản phẩm này được coi là nguy hiểm theo Tiêu chuẩn Truyền đạt thông tin về Chất nguy hiểm của OSHA 2012 (29 CFR 1910.1200).
Mức xếp loại nguy hiểm : GÂY KHÓ CHỊU CHO DA - Cấp 2
KÍCH ỨNG MẮT - Cấp 2A
TÁC NHÂN NHAY DA - Cấp 1
ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (CẤP) - Cấp 3
ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÂU DÀI) - Cấp 3
Tỷ lệ phần trăm (các) hợp phần các chất nguy hại cho môi trường nước trong hỗn hợp: 50%

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)

Hình đồ cảnh báo :



Từ cảnh báo : Cảnh báo
Cảnh báo nguy cơ : Gây kích ứng da.
Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Các công bố về phòng ngừa

II. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Ngăn chặn	: Mang găng tay bảo hộ. Đeo đồ bảo vệ mắt hoặc mặt nạ. Tránh thải ra môi trường. Tránh hít thở bụi hoặc sương. Rửa sạch sau khi sử dụng. Không mang quần áo bị nhiễm bẩn ra khỏi nơi làm việc.
Phản ứng	: NẾU TIẾP XÚC VỚI DA: Rửa bằng nhiều nước. Nếu xảy ra kích ứng da hoặc phát ban: Hời ý kiến tư vấn y tế. Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi tái sử dụng. NẾU VÀO MẮT: Rửa sạch một cách thận trọng bằng nước trong vài phút. Loại bỏ kính áp tròng, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa. Nếu vẫn còn kích ứng mắt: Hời ý kiến tư vấn y tế hoặc chăm sóc y tế.
Lưu trữ	: Không áp dụng.
Xử lý	: Xả bỏ chất thải và bao bì theo tất cả các quy định của địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.
Lộ trình vào	: Không có sẵn.
Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại	: Có thể hình thành hỗn hợp khí-bụi có khả năng cháy nổ nếu phát tán. Xử lý và/hoặc chế biến vật liệu này có thể tạo ra chất bụi có thể gây khó chịu ở mắt, da, mũi và họng.

III. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Chất/Hỗn hợp chất	: Hỗn hợp
<u>Số đăng ký CAS (Dịch Vụ Thông Tin Cơ Bản Hóa Chất Của Hoa Kỳ)/ các mã số khác</u>	
Số CAS	: Hỗn hợp chất
Số đăng ký EC	: Hỗn hợp chất.

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	%
crystalline silica, non-respirable powder (>10 microns)	14808-60-7	O2-Si	≥25 - ≤50
oxit nhôm	1344-28-1	-	≥10 - ≤25
reaction product: bisphenol-A-(epichlorhydrin); epoxy resin (MW ≤ 700)	25068-38-6	(C15-H16-O2. C3-H5-Cl-O)x	≥10 - ≤21
Oxirane, 2,2'-[oxybis[(methyl-2,1-ethanediy)]bis-oxymethylene]]bis-2-[Alkyl(C12-13)oxymethyl]oxirane	41638-13-5	C12H22O5	≤3.4
1-metoxi-2-propanol	120547-52-6	CHO	≤1.9
titan đioxit	107-98-2	C4H10O2	≤3
Wollastonite	13463-67-7	O2-Ti	≤3
Butanamide, 2,2'-[(3,3'-dichloro[1,1'-biphenyl]-4,4'-diyl)bis(azo)]bis[N-(2-methylphenyl)-3-oxo-	13983-17-0	O3-Si.Ca	≤1
	5468-75-7	C34H30Cl2N6O4	≤0.3

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.
Mã SUB đại diện cho những chất mà không có số CAS được đăng ký.

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

<u>Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết</u>	
Tiếp xúc mắt	: Kiểm tra và tháo bỏ kính sát tròng. Ngay lập tức rửa mắt bằng dòng nước trong ít nhất 15 phút, mở to mắt khi rửa. Tìm hỗ trợ y tế ngay.
Hít phải	: Đưa ra ngoài chỗ thoáng khí. Giữ nạn nhân trong tình trạng ấm và thoải mái. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- | | |
|-------------------|---|
| Tiếp xúc ngoài da | : Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Rửa sạch da bằng xà phòng và nước hoặc dùng những chất rửa da đã được công nhận. Đừng sử dụng dung môi hay chất pha loãng. |
| Nuốt phải | : Nếu nuốt phải, tìm tư vấn y tế ngay và đưa cho thấy bình đựng chất hay nhãn hiệu này. Giữ nạn nhân trong tình trạng ấm và thoải mái. KHÔNG cố tạo cho nôn mửa. |

Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

- | | |
|-------------------|--|
| Tiếp xúc mắt | : Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. |
| Hít phải | : Sự phơi nhiễm với nồng độ trong không khí quá giới hạn do luật định hoặc mức khuyến cáo có thể gây khó chịu cho mũi, họng và phổi. |
| Tiếp xúc ngoài da | : Gây kích ứng da. Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da. |
| Nuốt phải | : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào. |

Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức

- | | |
|-------------------|---|
| Tiếp xúc mắt | : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
đau nhức hoặc kích ứng khó chịu
chảy nước mắt
bị đỏ |
| Hít phải | : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
dị ứng đường hô hấp
ho |
| Tiếp xúc ngoài da | : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
kích ứng khó chịu
bị đỏ |
| Nuốt phải | : Không có thông tin cụ thể gì. |

Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần

- | | |
|-------------------------------|---|
| Lưu ý đối với bác sĩ điều trị | : Điều trị theo triệu chứng. Hãy liên hệ ngay lập tức với chuyên gia xử lý nhiễm độc nếu bị nuốt hoặc hít phải một lượng lớn. |
| Điều trị cụ thể | : Không đòi hỏi điều trị đặc biệt. |
| Bảo vệ nhân viên sơ cứu | : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay. |

Xem thông tin độc tính (phần 11)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Phương tiện dập tắt

- | | |
|--|---|
| Các chất chữa cháy phù hợp | : Dùng bột hóa chất khô. |
| Các chất chữa cháy không phù hợp | : Tránh môi trường áp suất cao có thể hình thành hỗn hợp khí-bụi có nguy cơ cháy nổ. |
| Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất | : Có thể hình thành hỗn hợp khí-bụi có khả năng cháy nổ nếu phát tán. Vật liệu này có hại cho thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài. Nước chữa cháy bị ô nhiễm với chất này phải được khống chế và ngăn không cho đổ ra nguồn nước, cống rãnh. |

Mã sản phẩm 00339398	Ngày phát hành 18 Tháng Sáu 2026	Phiên bản 3.02
Tên sản phẩm MEGASEAL SFT675 Non Slip 100% Solids Safety Yellow Kit		
V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN		

Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm	: Các sản phẩm làm thối rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây: cacbon oxit hợp chất halogen hóa ôxít kim loại
Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy	: Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bình chữa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chữa phoir ra lửa.
Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy	: Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Các biện pháp để phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp	
Cho người không phải nhân viên cấp cứu	: Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Tắt tất cả các nguồn phát lửa. Không dùng pháo sáng, khói hay ngọn lửa trong khu vực nguy hiểm. Tránh hít thở bụi hoặc sương. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.
Cho các nhân viên cấp cứu	: Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục “Cho người không phải nhân viên cấp cứu”.
Đề phòng cho môi trường	: Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí). Chất làm ô nhiễm nước. Có thể có hại cho môi trường nếu thải ra số lượng lớn.
Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch	
Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ	: Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Tránh sinh bụi. Sử dụng máy hút có bộ lọc Bắt Bụi Hiệu Quả Cao (HEPA) sẽ bắt phát tán bụi. Cho vật liệu tràn đổ vào một thùng chứa chất thải đã quy định, có ghi nhãn. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.
Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng	: Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Tránh sinh bụi. Không quét khô. Hút bụi bằng máy hút có bộ lọc Bắt Bụi Hiệu Quả Cao (HEPA) rồi cho vào một thùng chứa chất thải kín, có ghi nhãn. Giữ đưng để bụi bặm và ngăn không cho gió tung bụi lên. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Ghi chú: xem Phần 1 về thông tin liên hệ khẩn cấp và Phần 13 về xử lý chất thải.

VII. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn

- Biện pháp bảo vệ

: Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Trong bất kỳ quy trình nào có sử dụng sản phẩm này đều không được sử dụng các cá nhân đã có tiền sử bệnh da nhạy cảm. Đừng để vào mắt hay dính lên da hay quần áo. Đừng nuốt. Tránh hít bụi. Tránh thải ra môi trường. Tránh tạo ra bụi khi xử lý và tránh mọi nguồn có thể bắt lửa (tia lửa hay ngọn lửa). Ngăn ngừa tích tụ bụi. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệu phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Phải bảo vệ máy móc dụng cụ về điện và các đèn điện chiếu sáng theo tiêu chuẩn thích hợp để ngăn bụi khỏi tiếp xúc với bề mặt nóng, phát tia lửa hay nguồn bắt lửa khác. Tiến hành các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện toát ra. Muốn tránh cháy hoặc nổ, triệt tiêu điện tĩnh trong khi di chuyển bằng cách cách điện, cột chặt các đồ chứa và thiết bị trước khi di chuyển. Các đồ đựng đã đổ hết những món chứa bên trong vẫn giữ lại cặn và có thể nguy hiểm. Đừng sử dụng lại bình chứa.
- Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát

: Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.
- Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ

: Lưu trữ trong phạm vi nhiệt độ sau đây: 0 đến 35°C (32 đến 95°F). Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa. Giữ tách xa các vật liệu ôxi hóa. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường. Xem Mục 10 để biết các chất kỵ tiếp xúc trước khi xử lý hoặc sử dụng.

VIII. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ PHƯƠNG TIỆN BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thông số kiểm soát

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Tên thành phần nguy hiểm	Giới hạn phơi nhiễm
crystalline silica, non-respirable powder (>10 microns) oxit nhôm 1-metoxi-2-propanol titan đioxit	ACGIH TLV (Hoa Kỳ, 1/2025) [Silica, crystalline] TWA 8 giờ: 0.025 mg/m³. Biểu mẫu: Phần nhỏ có thể hô hấp phải. Bộ Y tế (Việt Nam, 4/2025) [nhôm và hợp chất] TWA 8 giờ: 2 mg/m³. ACGIH TLV (Hoa Kỳ, 1/2025) TWA 8 giờ: 50 ppm. TWA 8 giờ: 184 mg/m³. STEL 15 phút: 100 ppm. STEL 15 phút: 369 mg/m³. Bộ Y tế (Việt Nam, 4/2025) TWA 8 giờ: 4 mg/m³. Biểu mẫu: nồng độ bụi toàn phần.

VIII. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ PHƯƠNG TIỆN BẢO VỆ CÁ NHÂN

Wollastonite	TWA 8 giờ: 2 mg/m³. Biểu mẫu: Bụi có thể hô hấp phải. ACGIH TLV (Hoa Kỳ, 1/2025) TWA 8 giờ: 1 mg/m³. Biểu mẫu: Phần nhỏ có thể hít phải.
Butanamide, 2,2'-[(3,3'-dichloro[1,1'-biphenyl]-4,4'-diyl)bis(azo)]bis[N-(2-methylphenyl)-3-oxo-	ACGIH TLV (Hoa Kỳ) Bình Quân Gia Trọng Thời Gian: 10 mg/m³. Biểu mẫu: Toàn bộ bụi. Bình Quân Gia Trọng Thời Gian: 3 mg/m³. Biểu mẫu: Bụi có thể hô hấp phải.

- Quy trình theo dõi đề nghị

: Cần tham khảo các tiêu chuẩn theo dõi phù hợp. Cũng cần phải tham khảo các hướng dẫn của quốc gia về các phương pháp xác định những chất nguy hiểm.
- Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp

: Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Nếu khi sử dụng có phát ra bụi, khói, khí, hơi hoặc sương, hãy dùng những vật dụng che chắn của quy trình, hệ thống thông gió tại chỗ hoặc các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để giữ cho sự phơi nhiễm của công nhân đối với chất độc trong không khí ở dưới bất kỳ mức giới hạn nào được khuyến cáo hoặc do luật định. Các phương tiện kiểm soát cũng cần giữ cho độ tập trung của khí, hơi hoặc bụi dưới bất kỳ giới hạn gây nồ nào. Sử dụng thiết bị thông hơi chống nồ.
- Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

: Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Biện pháp vệ sinh

: Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Phải sử dụng kỹ thuật thích hợp để lột bỏ quần áo có thể đã bị nhiễm. Quần áo dùng trong việc có nhiễm bẩn không được phép ra ngoài nơi làm việc. Giặt sạch trang phục có dính chất độc trước khi dùng lại. Cần đặt những trạm rửa mắt và phòng tắm bảo an toàn ở gần địa điểm làm việc.
- Bảo vệ mắt

: Kính chống văng hóa chất.
- Bảo vệ da

Bảo vệ tay

: Phải luôn luôn mang bao tay kháng hóa chất, không thấm chất lỏng, phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận khi xử lý sản phẩm có hóa chất, nếu một cuộc đánh giá rủi ro xác định điều này cần thiết. Xem xét các thông số do nhà sản xuất gang cung cấp, kiểm tra trong khi sử dụng để biết rằng gang vẫn còn giữ được các tính chất bảo vệ của nó. Cần lưu ý rằng thời gian thấm qua của bất kỳ vật liệu gang tay nào của bất kỳ nhà sản xuất gang tay nào cũng khác nhau. Trong trường hợp hỗn hợp có chứa nhiều chất, thì thời gian bảo vệ của gang tay không thể tính chính xác được.
- Găng tay

Bảo vệ thân thể

: Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này.
- Biện pháp bảo vệ da khác

: Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.

VIII. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ PHƯƠNG TIỆN BẢO VỆ CÁ NHÂN

Bảo vệ hô hấp : Chọn lựa khẩu trang phải dựa trên mức phơi nhiễm đã biết hoặc dự kiến, mối nguy của sản phẩm và giới hạn hoạt động an toàn của khẩu trang đã chọn. Nếu người lao động bị phơi nhiễm vượt quá giới hạn phơi nhiễm, họ phải sử dụng dụng cụ thở thích hợp đã được kiểm nghiệm. Hãy dùng khẩu trang vừa vặn, lọc không khí hoặc tiếp không khí, đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Bề ngoài					
Trạng thái vật lý	: Rắn. Bột.				
Màu sắc	: Màu vàng.				
Mùi	: Không mùi.				
Ngưỡng về mùi	: Không có sẵn.				
pH	: Không áp dụng.				
Điểm nóng chảy	: Không có sẵn.				
Điểm sôi	: Không có sẵn.				
Điểm bùng cháy	: Cốc đáy kín: 205°C (401°F)				
Tỷ lệ hóa hơi	: Không có sẵn.				
Khả năng cháy (chất rắn, khí)	: Không có sẵn.				
Giới hạn nổ (bốc cháy) dưới và trên	: Không áp dụng.				
Áp suất hóa hơi	: Không có sẵn.				
Tỷ trọng hơi	: Không áp dụng.				
Mật độ tương đối	: 2.01				
(Các) độ tan	<table><tr><th>Môi trường</th><th>Kết quả</th></tr><tr><td>nước lạnh</td><td>Không hòa tan</td></tr></table>	Môi trường	Kết quả	nước lạnh	Không hòa tan
Môi trường	Kết quả				
nước lạnh	Không hòa tan				
Hệ số phân chia nước/Octanol	: Không áp dụng.				
Nhiệt độ tự cháy	: Không áp dụng.				
Nhiệt độ phân hủy	: Không có sẵn.				
Tính dẻo	: Sôi động (nhiệt độ phòng): Không có sẵn. Động lực học (nhiệt độ phòng): Không có sẵn. Động lực học (40°C): Không áp dụng.				

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HOÁ CHẤT

Khả năng phản ứng	: Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.
Tính ổn định	: Sản phẩm ổn định.
Khả năng gây các phản ứng nguy hại	: Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HOÁ CHẤT

- Tình trạng cần tránh

: Khi bị phơi nhiễm ở các mức nhiệt độ cao có thể sản sinh ra các sản phẩm phân hủy độc hại.
- Các vật liệu không tương thích

: Tránh xa ra các chất sau đây để phòng ngừa phản ứng tỏa nhiệt mạnh: chất oxy hóa, kiềm mạnh, axit mạnh.
- Sản phẩm phân rã có mối nguy

: Tùy thuộc vào điều kiện, các sản phẩm phân hủy có thể bao gồm các tài liệu sau đây: cacbon oxit hợp chất halogen hóa ôxit kim loại

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Liều lượng	Sự phơi nhiễm
 xit nhôm reaction product: bisphenol-A-(epichlorhydrin); epoxy resin (MW ≤ 700)	LC50 Hít phải Bụi và sương LD50 Đường miệng LD50 Ngoài da	Chuột Chuột Thỏ	7.6 mg/l >15900 mg/kg >2 g/kg	4 giờ - -
	LD50 Đường miệng LD50 Ngoài da	Chuột Thỏ	>2 g/kg >2 g/kg	- -
	LD50 Đường miệng LD50 Ngoài da	Chuột Thỏ	>2 g/kg >2 g/kg	- -
Oxirane, 2,2'-[oxybis[(methyl-2,1-ethanediyl)oxymethylene]]bis-	LD50 Đường miệng LD50 Ngoài da	Chuột Thỏ	>2 g/kg >2 g/kg	- -
2-[Alkyl(C12-13)oxymethyl]oxirane	LD50 Đường miệng LD50 Ngoài da	Chuột Thỏ	>2 g/kg >2 g/kg	- -
1-metoxy-2-propanol	LD50 Đường miệng LC50 Hít phải Hơi LD50 Ngoài da	Chuột Chuột Thỏ	>10 g/kg >7000 ppm 13 g/kg	- 6 giờ -
titan đioxit	LD50 Đường miệng LC50 Hít phải Bụi và sương LD50 Ngoài da	Chuột Chuột Thỏ	5.2 g/kg >6.82 mg/l >5000 mg/kg	- 4 giờ -
Butanamide, 2,2'-[(3,3'-dichloro[1,1'-biphenyl]-4,4'-diyl)bis(azo)]bis[N-(2-methylphenyl)-3-oxo-	LD50 Đường miệng LD50 Đường miệng	Chuột Chuột	>5000 mg/kg >5000 mg/kg	- -

Kết luận/Tóm tắt : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

Kích ứng/Ăn mòn

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Điểm	Sự phơi nhiễm	Theo dõi tác dụng kích ứng
reaction product: bisphenol-A-(epichlorhydrin); epoxy resin (MW ≤ 700)	Mắt - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	-	-
	Da - Kích ứng nhẹ	Thỏ	-	-	-

Kết luận/Tóm tắt

- Da

: Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.
- Mắt

: Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.
- Hô hấp

: Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Nhạy cảm

Tên sản phẩm/thành phần	Cách phơi nhiễm	Loài	Kết quả
reaction product: bisphenol-A-(epichlorhydrin); epoxy resin (MW ≤ 700)	da	Chuột	Nhạy cảm

Da : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.
Hô hấp : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

Tính đột biến

Kết luận/Tóm tắt : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

Tính gây ung thư

Kết luận/Tóm tắt : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

Độc tính sinh sản

Kết luận/Tóm tắt : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

Độc tính gây quái thai

Kết luận/Tóm tắt : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)

Tên	Cấp	Cách phơi nhiễm	Cơ quan có nhắm tới
2-[Alkyl(C12-13)oxymethyl]oxirane	Cấp 3	-	Kích ứng đường hô hấp
1-metoxy-2-propanol	Cấp 3	-	Các tác dụng gây mê

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)

Không có sẵn.

Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa

Không có sẵn.

Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra : Không có sẵn.

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

Tiếp xúc mắt : Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
Hít phải : Sự phơi nhiễm với nồng độ trong không khí quá giới hạn do luật định hoặc mức khuyến cáo có thể gây khó chịu cho mũi, họng và phổi.
Tiếp xúc ngoài da : Gây kích ứng da. Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
Nuốt phải : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính

Tiếp xúc mắt : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
đau nhức hoặc kích ứng khó chịu
chảy nước mắt
bị đỏ
Hít phải : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
dị ứng đường hô hấp
ho

Tiếp xúc ngoài da

: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
kích ứng khó chịu
bị đỏ

Nuốt phải

: Không có thông tin cụ thể gì.

Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài

Phơi nhiễm ngắn hạn

Các tác dụng tức thời có thể gặp

: Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

Các tác dụng chậm có thể gặp

: Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

Phơi nhiễm lâu dài

Các tác dụng tức thời có thể gặp

: Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

Các tác dụng chậm có thể gặp

: Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn

Tổng quát

: Hít phải bụi nhiều lần hay kéo dài có thể dẫn đến dị ứng hô hấp mãn tính. Nếu đã bị nhạy cảm, một phản ứng dị ứng nghiêm trọng có thể xảy ra về sau này khi có tiếp xúc ở mức độ thấp.

Tính gây ung thư

: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Tính đột biến

: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Độc tính sinh sản

: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Các số liệu đo lường độ độc

Các giá trị ước tính độ độc cấp tính	
Lộ trình	Giá trị ATE (ước tính độ độc cấp tính)
Đường miệng	8532.42 mg/kg
Ngoài da	5707.04 mg/kg

Thông tin cần thiết khác

:

Chà nhám và nghiền bụi có thể có hại nếu hít phải. Phơi nhiễm lặp đi lặp lại với nồng độ hóa hơi cao có thể gây kích ứng cho hệ hô hấp, tổn thương não và hệ thần kinh vĩnh viễn. Hít phải hơi/hơi phun tập trung quá giới hạn phơi nhiễm đề nghị gây ra nhức đầu, chóng mặt và buồn nôn và có thể dẫn đến bất tỉnh hay tử vong.

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc Tính			
Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Sự phơi nhiễm
Đxit nhôm reaction product: bisphenol-A-(epichlorhydrin); epoxy resin (MW ≤ 700) 1-metoxy-2-propanol titan đioxit	Cấp tính LC50 >100 mg/l Cấp tính LC50 1.8 mg/l	Cá Daphnia	96 giờ 48 giờ
	mãn tính NOEC 0.3 mg/l	Daphnia	21 ngày
	Cấp tính LC50 23300 mg/l	Daphnia	48 giờ
	Cấp tính LC50 >4500 mg/l Nước ngọt	Cá	96 giờ
	Cấp tính LC50 >100 mg/l Nước ngọt	Daphnia - <i>Daphnia magna</i>	48 giờ

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độ bền và khả năng phân hủy

Tên sản phẩm/thành phần	Thử nghiệm	Kết quả	Liều lượng	Chất tiềm chứng
reaction product: bisphenol-A-(epichlorhydrin); epoxy resin (MW ≤ 700)	OECD 301F	5 % - 28 ngày	-	-
Tên sản phẩm/thành phần	Chu kỳ bán phân rã dưới nước	Quang phân	Tính bị vi khuẩn làm thối rửa	
reaction product: bisphenol-A-(epichlorhydrin); epoxy resin (MW ≤ 700)	-	-	Không dễ	

Khả năng tồn lưu

Tên sản phẩm/thành phần	LogP _{ow}	BCF	Tiềm năng
reaction product: bisphenol-A-(epichlorhydrin); epoxy resin (MW ≤ 700)	3	31	Thấp
1-metoxý-2-propanol	<1	-	Thấp
Butanamide, 2,2'-[(3,3'-dichloro[1,1'-biphenyl]-4,4'-diyl)bis(azo)]bis[N-(2-methylphenyl)-3-oxo-	0.5	-	Thấp

Khả năng phân tán qua đất

Hệ số phân cách đất/nước : Không có sẵn.

Hậu quả xấu khác : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

XIII. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các phương pháp thải bỏ : Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Chất thải khi chưa xử lý không được vứt bỏ vào hệ thống thoát nước trừ khi hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu của tất cả các nhà chức trách có thẩm quyền. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được. Chất này và bình chứa cần phải được xử lý theo cách an toàn. Cần phải cẩn thận khi làm việc với các dụng cụ đựng rỗng chưa được làm sạch hoặc rửa sạch. Bình rỗng hay tàu thủy có thể giữ lại cặn sản phẩm. Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh.

Mã sản phẩm	00339398	Ngày phát hành	18 Tháng Sáu 2026	Phiên bản	3.02
Tên sản phẩm	MEGASEAL SFT675 Non Slip 100% Solids Safety Yellow Kit				

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

	UN	IMDG	IATA
Số UN	Không quản lý.	Not regulated.	Not regulated.
Tên riêng theo Liên Hợp Quốc (UN) để dùng trong vận chuyển (Tên phương tiện vận chuyển đường biển)	Không xác định.	-	-
(các) nhóm nguy hại vận chuyển	-	-	-
Quy cách đóng gói	-	-	-
Mối nguy cho môi trường	Không.	No.	No.
Chất gây ô nhiễm biển	Không áp dụng.	Not applicable.	Not applicable.

Thông tin bổ sung

UN : Không nhận dạng được cái nào.

Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng : **Chuyên chở trong nhà xưởng của người sử dụng:** luôn luôn chuyên chở trong những thùng đựng được đậy kín và những thùng này phải được dựng đứng và giữ chặt. Nên đảm bảo là những người chuyên chở sản phẩm biết phải làm gì trong trường hợp bị tai nạn hoặc bị đổ.

Vận chuyển số lượng lớn theo các công cụ IMO : Không áp dụng.

XV. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các quy định riêng về an toàn, y tế và môi trường cho sản phẩm :

- Luật hóa chất số 69/2025/QH15
- Nghị định 24/2026/ NĐ-CP Quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật hóa chất
- Nghị định 25/2026/NĐ-CP Quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất về phát triển công nghiệp hóa chất an toàn, an ninh hóa chất
- Nghị định 26/2026/ NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa
- Thông tư 01/2026/TT-BCT Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định 26/2026/ NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa
- Thông tư 02/2026/ TT-BCT Quy định một số biện pháp thi hành Luật hóa chất và nghị định số 25/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất an toàn, an ninh hóa chất.

Quy định quốc tế

XV. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Nghị định thư Montreal

Không liệt kê.

Hiệp ước Stockholm về các chất gây ô nhiễm hữu cơ bền

Không liệt kê.

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Lịch sử

- Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh: 18 Tháng Sáu 2026
- Ngày phát hành lần trước: 3/31/2026
- Phiên bản: 3.02
- Chuẩn bị bởi: EHS
- Bảng từ viết tắt: ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính
BCF = Hệ số nồng độ sinh học
GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu
IATA = Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế
IBC = Côngtenơ khổ trung
IMDG = Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế
LogPow = Lôgarít của hệ số phân chia octanol/nước
MARPOL = Công ước quốc tế về việc ngăn chặn ô nhiễm từ tàu thuyền, 1973, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1978. ("Marpol" = Marine Pollution (Ô nhiễm hàng hải))
UN = Liên hợp quốc
- Tham khảo: Không có sẵn.

Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên bản phát hành trước đó.

Người đọc lưu ý

Thông tin trong bảng chỉ dẫn an toàn này dựa trên kiến thức khoa học kỹ thuật hiện tại. Mục đích của thông tin là tạo sự chú ý về khía cạnh sức khỏe và an toàn liên quan đến sản phẩm do PPG cung cấp, và đề xuất các biện pháp phòng ngừa khi lưu trữ cũng như xử lý sản phẩm. Các thuộc tính của sản phẩm không được chứng nhận hay đảm bảo. Chúng tôi không chịu trách nhiệm đối với những trường hợp không tuân thủ các biện pháp phòng ngừa được quy định trong bảng chỉ dẫn an toàn này hay sử dụng sản phẩm không đúng cách.